

宏國學校財團法人宏國德霖科技大學

新南向產學合作國際專班

114學年度學生校外實習合約書

Hợp Đồng Thực Tập Của Lớp Chuyên Ban Hợp Tác Quốc Tế Tân Hướng Nam
Trường ĐHKHT Hồng Quốc Đức Lâm Năm Học **2026**

	學校：宏國學校財團法人宏國德霖科技大學	(以下稱甲方)
	Trường: Đại học KH-KT Hồng Quốc Đức Lâm	(Dưới đây gọi tắt bên A)
立合約書人	實習機構：	(以下稱乙方)
Người ký kết Hợp Đồng	Đơn vị Thực Tập:	(Dưới đây gọi tắt bên B)
	實習生：	(以下稱丙方)
	Thực tập sinh:	(Dưới đây gọi tắt bên C)

基於技職教育與產業結合，培訓產業人才，推展校外實習教學與實務訓練之互惠原則，三方協議訂定下列事項，共同遵循。

Dựa trên nền tảng kết hợp giữa giáo dục và doanh nghiệp, đào tạo nhân tài công nghiệp, thúc đẩy sự hỗ trợ tương tác giữa thực tập ngoài trường và đào tạo thực hành thực tế, cả ba bên chúng tôi thỏa thuận ấn định ra những điều khoản dưới đây, cùng nhau thực hiện.

一、實習合作職掌 Phân chia công việc thực tập

甲方：負責聯繫協調實習有關事項及安排分發學生實習單位，並指派輔導老師負責指導學生專業實務實習。

Bên A: Phụ trách liên hệ và thảo luận những việc liên quan đến thực tập và sắp xếp đơn vị thực tập cho sinh viên, đồng thời sắp xếp giáo viên chỉ đạo thực tập chuyên môn cho sinh viên.

乙方：參與實習課程規劃、實習媒合、實習職務分配、報到、訓練及協助輔導實習學生在實習場域之實務訓練及安全維護。

Bên B: Tham gia vào việc lập kế hoạch khóa thực tập, kết nối vị trí thực tập, phân công công việc thực tập, tiếp nhận, đào tạo và hỗ trợ hướng dẫn sinh viên thực tập trong quá trình đào tạo thực tế tại đơn vị thực tập cũng như đảm bảo sự an toàn.

二、合約期限 Thời hạn hợp đồng

___學年度第___學期，實習期間自___年___月___日至___年___月___日止。

Học kỳ ___ năm học ___ thời hạn thực tập từ ngày ___ tháng ___ năm ___ đến ngày ___ tháng ___ năm ___。

實習時間：每星期___至星期___，從上午___點至下午___點。

Thời gian thực tập: Từ ___ giờ sáng đến ___ giờ chiều thứ ___ đến thứ ___ hàng tuần.。

三、實習職務 Chức vụ thực tập

職 務：實習生

Chức vụ：thực tập sinh

實習地點：

Địa điểm thực tập：

四、休假及請假 Lịch nghỉ và xin phép nghỉ

實習期間乙方排休制度將依與甲方協議，休假及請假依乙方規章辦理。

Trong thời gian thực tập bên B sẽ sắp xếp lịch nghỉ theo thỏa thuận với bên A, lịch nghỉ và xin phép nghỉ tuân theo quy định bên B.

五、實習學分及時數規定 Quy định về tín chỉ và thời gian thực tập

學校與合作企業依據學生就讀之產學合作國際專班人才培育目標共同規劃____學分之實習內容，乙方得視實習課程需要，每學期為期至多 18 週之實習期間(如本合約第二條所示)，並同意提供 ____小時/週實習時數之原則，亦不得將(丙方)留置到夜間加班、輪班，或從事無關專業能力表現之事情。

Nhà trường và doanh nghiệp cùng nhau lên kế hoạch lập ra nội dung thực tập dựa theo mục tiêu đào tạo nhân tài của lớp chuyên hợp tác quốc tế, sắp xếp chương trình thực tập gồm ____ tín chỉ, bên B sẽ xem xét môn học thực tập cần thiết, thời gian thực tập mỗi học kỳ nhiều nhất 18 tuần (như điều 2 trên bản hợp đồng) và đồng ý cung cấp thời gian dựa theo nguyên tắc____tiếng/ tuần, không được để (bên C) tăng ca đến ca đêm, luân phiên ca làm việc hoặc làm những công việc không liên quan đến năng lực chuyên môn.

六、校外實習工作內容 Nội dung công việc thực tập

1. 乙方應提供丙方相關實習設備及工作場所，並於實習前告知工作場所安全衛生注意事項及相關規定，避免安排從事具有危險性之工作或操作危險性設備，實習項目安排以不影響學生健康及安全的工作環境為原則。

Bên B phải cung cấp thiết bị thực tập và môi trường làm việc cho bên C, đồng thời trước khi thực tập phải triển khai giáo dục nội quy liên quan đến vệ sinh an toàn trong môi trường làm việc cho bên C, tránh sắp xếp những công việc mang tính chất nguy hiểm hoặc thao tác những thiết bị nguy hiểm, công việc và môi trường thực tập phải được sắp xếp dựa trên nguyên tắc không ảnh hưởng đến sức khỏe và sự an toàn của sinh viên.

2. 甲方應於實習前，要求丙方在實習期間遵守實習機構規定，並注意工作態度與紀律。 Trước khi thực tập, bên A phải yêu cầu bên C phải tuân thủ quy định của đơn vị thực tập trong khoảng thời gian thực tập, đồng thời chú ý thái độ và kỷ luật trong công việc.

3. 實習課程規劃：學生實習課程名稱、實習時間及實習內容由甲乙雙方共同規劃，並訂定於『國際產學合作專班學生校外實習學習計畫表』中。

Quy hoạch chương trình thực tập: tên môn học của chương trình thực tập, thời gian thực tập và nội dung thực tập đều do cả hai bên A và B cùng nhau quy hoạch, đồng thời ấn định vào “Bảng kế hoạch thực tập bên ngoài trường dành cho sinh viên lớp chuyên hợp tác quốc tế” .

七、實習報到 Thủ tục nhận việc thực tập

1. 甲方於實習前一週將實習學生名單及報到資料提供乙方。

Một tuần trước khi thực tập, bên A phải cung cấp danh sách và thông tin bảo danh của sinh viên cho bên B.

2. 乙方於丙方報到時，應即給予職前安全衛生教育訓練及性別平等工作講習，並派專人指導。

Vào ngày đầu tiên thực tập, bên B phải sắp xếp người chỉ đạo, giáo dục vệ sinh an toàn trong công việc và quy định về bình đẳng giới cho bên C.

八、實習輔導機制 Cơ chế phụ đạo thực tập

1. 本職學能輔導：乙方應與甲方配合，針對丙方之本職學能規劃適合之專業實務實習內容，舉辦各種勞工教育、職前與在職訓練及集會，嚴格要求敬業精神與培訓專業實務技能，並需安排實習輔導人員帶領實習生及在職技能訓練，另依本校「宏國學校財團法人宏國德霖科技大學學生校外實習辦法」第七條辦理，甲方需安排實習輔導老師輔導學生及赴企業訪視實習學生，共同增進丙方之學習能力與就業經驗，其甲乙雙方代表人員依學生校外實習工作計劃表而訂。

Hỗ trợ dạy nghề: bên B phải phối hợp với bên A, sắp xếp nội dung công việc phù hợp với nội dung thực tập chuyên môn của bên C, tổ chức các hoạt động giáo dục lao động, đào tạo nhập môn cho nhân viên mới và kỹ năng tại chức, yêu cầu nghiêm ngặt về tinh thần làm việc và rèn luyện kỹ năng chuyên môn thực tiễn, đồng thời phải sắp xếp nhân viên phụ đạo thực tập để dẫn dắt sinh viên thực tập và huấn luyện kỹ năng tại vị trí làm việc. Ngoài ra, theo Điều 7 của “Quy định thực tập ngoài trường dành cho sinh viên” của Trường Đại học KHKT Hồng Quốc Đức Lâm thuộc háp nhân Quỹ Giáo dục Hồng Quốc, bên A phải cử giáo viên phụ trách thực tập đến công ty khảo sát tình trạng thực tập của sinh viên, nhằm cùng nhau nâng cao khả năng học tập và kinh nghiệm làm việc của cho bên C. Nội dung này do đại diện hai bên A và B thỏa thuận dựa trên “Bảng kế hoạch thực tập bên ngoài trường của sinh viên”.

2. 相關輔導(含轉銜)機制：乙方應與甲方配合，共同負責丙方實習期間之生活輔導、考核及實習成績之評定，與問題解惑，若丙方遇特殊狀況(如無法完成單一學期校外實習課程、無法如期畢業者等)依本校「宏國學校財團法人宏國德霖科技大學學生校外實習辦法」第十三條辦理。

Cơ chế phụ đạo liên quan (bao gồm chuyển đổi): bên B phải phối hợp với bên A, cùng nhau chịu trách nhiệm về việc tư vấn cuộc sống, thi cử, đánh giá thành tích thực tập và giải quyết những vấn đề của sinh viên trong thời gian thực tập. Nếu bên C gặp những tình huống đặc biệt (ví dụ như không thể hoàn thành chương trình thực tập của 1 học kỳ, không thể tốt nghiệp được trong thời gian dự kiến...) sẽ được xử lý theo Điều 13 trong “Quy định thực tập ngoài trường dành cho sinh viên” của Trường Đại học KHKT Hồng Quốc Đức Lâm thuộc pháp nhân Quỹ Giáo dục Hồng Quốc.

3. 若實習生表現或適應欠佳時，依本校「宏國學校財團法人宏國德霖科技大學學生校外實習辦法」第十條辦理。

Nếu sinh viên trong lúc thực tập có biểu hiện hoặc thích nghi không tốt, sẽ xử lý theo quy định trong Điều 10 của “Quy định thực tập ngoài trường dành cho sinh viên” của Trường Đại học KHKT Hồng Quốc Đức Lâm thuộc pháp nhân Quỹ Giáo dục Hồng Quốc.

九、實習成效考核 Đánh giá thành tích sinh viên thực tập

1. 實習期間由乙方主管及甲方專業實習老師共同評核實習成績，經評核成績合格者授予學分。
Trong thời gian thực tập, thành tích thực tập sẽ do chủ quản bên B và giáo viên chuyên trách thực tập bên A cùng nhau đánh giá, điểm thành tích sau khi đánh giá trên trung bình sẽ được công nhận tín chỉ.
2. 實習期間考勤依乙方規定考核，每學期配合實習報告評核。
Trong thời gian thực tập, điểm chuyên cần sẽ được đánh giá theo quy định của bên B, mỗi học kỳ sẽ phối hợp với kết quả đánh giá thực tập.
3. 學生於實習期間依規定期限完成「校外實習(成果)報告」，印送甲方輔導老師、乙方實習單位主管各乙份，並作口頭報告，由老師、主管共同評核。
Sinh viên phải hoàn thành “Báo cáo thực tập” trong thời hạn quy định, in ra nộp cho giáo viên thực tập bên A và chủ quản đơn vị thực tập bên B mỗi bên một bản, đồng thời báo cáo bằng miệng, để giáo viên và chủ quản cùng đánh giá.
4. 乙方應於丙方實習結束一個月內核發校外實習證明書。
Bên B phải phát cho bên C giấy chứng nhận thực tập trong vòng 1 tháng kể từ ngày kết thúc thực tập.
5. 學生表現或適應欠佳時，由乙方知會甲方共同協商處理方式，經輔導未改善者，由學校進行轉銜輔導，若轉銜至新企業，則成績由前、後實習企業考核分數加權平均之，若無法轉銜新企業，則實習將以校內實務課程（含輔導考技術士證）替代，期間不提供任何實習津貼，若學生學習異常情況達學則所定退學情形，則依校規辦理。
Nếu sinh viên có biểu hiện hoặc thích nghi không tốt, bên B sẽ thông báo bên A để cùng nhau thảo luận phương án xử lý. Nếu sau quá trình hỗ trợ, sinh viên vẫn không có cải thiện, nhà trường sẽ tiến hành tư vấn và chuyển tiếp thực tập. Trong trường hợp sinh viên được chuyển tiếp đến doanh nghiệp khác, điểm thực tập sẽ được tính trung bình cộng kết quả đánh giá thực tập của công ty trước và công ty sau. Nếu trong trường hợp không thể sắp xếp công ty mới, kỳ thực tập sẽ được thay thế bằng cách quay về trường học bù môn học chuyên ngành để đạt đủ điều kiện tốt nghiệp (bao gồm việc hỗ trợ thi bằng kỹ thuật chuyên môn), và trong thời gian này sẽ không được hưởng bất kỳ khoản trợ cấp thực tập nào. Nếu tình trạng thực tập của sinh viên không tốt và nghiêm trọng đến mức phải bị kỷ luật đuổi học thì nhà trường sẽ xử lý theo quy định của nhà trường.

十、實習爭議處理 Xử lý tranh chấp khi thực tập

實習期間若產生爭議，應向實習機構輔導人員或學校輔導老師即時反映，由雙方共同商議爭議改善方案。如未獲改善，丙方得依據本校「宏國學校財團法人宏國德霖科技大學學校外實習爭議事件處理原則」規定辦理。

Trong thời gian thực tập nếu xảy ra tranh chấp, thì phải lập tức thông báo cho chủ quản đơn vị thực tập hoặc giáo viên thực tập, để đôi bên cùng thảo luận tìm ra phương án xử lý và cải thiện. Nếu không được cải thiện, bên C có quyền xử lý theo quy định trong “Nguyên tắc xử lý các sự việc tranh chấp trong quá trình thực tập bên ngoài trường của Trường Đại học KHKTT Đức Lâm thuộc Pháp nhân Quỹ Giáo dục Hồng Quốc” .

十一、實習津貼 Phí trợ cấp thực tập

乙方提供實習津貼新台幣 _____ 元/小時或 _____ 元/月，實習津貼以金融機構轉存方式直接發給丙方；合約期間內若遇基本薪資調整，實習津貼將逕行調整至相同數額。

Bên B sẽ cấp trợ cấp thực tập _____ tệ/ tiếng, với cách thức chuyển khoản ngân hàng cho bên C; trong thời hạn hợp đồng còn hiệu lực, nếu có điều chỉnh về mức lương cơ bản, thì phí trợ cấp thực tập cũng sẽ được điều chỉnh theo mức tương ứng.

十二、交通及保險 Giao thông và bảo hiểm

1. 實習期間之交通丙方應自行處理，實習單位得視工作實際需要，提供相關經費補助或其他必要協助。

Trong thời gian thực tập, bên C phải tự sắp xếp phương tiện đi lại, đơn vị thực tập sẽ dựa theo nhu cầu cần thiết của công việc để xem xét hỗ trợ kinh phí hoặc những hỗ trợ liên quan khác.

2. 自丙方報到日起，由甲方完成大專院校校外實習學生團體意外保險，實習單位得視工作需要，提供相關經費補助或其他必要協助。

Kể từ ngày đầu tiên bên C thực tập, bên A phải hoàn thành việc đóng bảo hiểm thương tật toàn thể cho sinh viên; đơn vị thực tập sẽ dựa theo nhu cầu cần thiết của công việc để xem xét hỗ trợ kinh phí hoặc những hỗ trợ liên quan khác.

十三、保密協定 Hiệp định bảo mật

為顧及乙方之業務機密，丙方及輔導老師因參加本校外實習合作所知悉乙方之業務機密，無論於實習期間或實習終了後，均不得洩漏予任何第三人或自行加以使用，亦不得將實習內容揭露轉述或公開發表。若洩露則丙方及其家長須負賠償責任。甲方並應協助乙方相關損害賠償程序之進行或相關文件之提供。

Nhằm bảo mật bí mật kinh doanh của bên B, tất cả những bí mật kinh doanh của bên B mà bên C và giáo viên thực tập biết được do tham gia chương trình thực tập, đều không được tiết lộ cho bất kỳ bên thứ ba nào hoặc tự ý sử dụng, bất kể trong thời gian còn đang thực tập hoặc đã kết thúc thực tập, và cũng không được tiết lộ nội dung thực tập hoặc công khai phát biểu. Nếu vi phạm, bên C và gia đình bên C phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại. Bên A cũng phải hỗ trợ bên B tiến hành xử lý quy trình bồi thường và cung cấp những giấy tờ liên quan cần thiết.

十四、附則 Điều khoản bổ sung

1. 乙方應與甲方配合，針對丙方之本職學能規劃適合之專業實務實習內容，舉辦實習前之安全講習、實習場所安全防護設備之配置及相關職業安全衛生措施之規劃，並有專人帶領實習技能訓練，以增進丙方之就業能力與經驗。

Bên B phải phối hợp với bên A để xây dựng nội dung thực tập chuyên môn phù hợp với năng lực học tập chuyên ngành của bên C; tổ chức buổi hướng dẫn an toàn trước khi thực tập; bố trí thiết bị bảo hộ an toàn tại nơi thực tập và lập kế hoạch các biện pháp an toàn vệ sinh lao động có liên quan; đồng thời cử người chuyên trách hướng dẫn đào tạo kỹ năng thực tập, nhằm nâng cao năng lực và kinh nghiệm làm việc của bên C.

2. 乙方對實習學生之相關資料應善盡保護責任，並於個人資料保護法規定之範圍內使用。
Bên B chịu trách nhiệm bảo vệ thông tin cá nhân của sinh viên thực tập, đồng thời chỉ được sử dụng thông tin đó trong phạm vi cho phép của “Luật bảo vệ thông tin cá nhân”.
3. 為落實性別工作平等精神及保障實習學生權益，乙方應依據性別平等工作法等，建制相關規範、提供申訴管道及處理機制，當事件發生時，乙方應提供協助與處理，並於 24 小時內通知甲方。

Nhằm bảo vệ sự bình đẳng giới trong công việc và quyền lợi của sinh viên một cách chu toàn, bên B cần dựa vào “Luật bình đẳng giới trong công việc” để thiết lập nội quy liên quan, cung cấp đường dây khiếu nại và cơ chế xử lý, khi đương sự xảy ra chuyện, bên B cần hỗ trợ và xử lý, và phải thông báo cho bên A trong vòng 24 tiếng.

4. 甲、乙、丙三方因本合約內容涉訟時，三方合意以臺灣新北地方法院為第一審管轄法院。

Trong trường hợp phát sinh tranh chấp liên quan đến nội dung hợp đồng này giữa ba bên A, B và C, các bên đồng ý chọn Tòa án Địa phương Tân Bắc, Đài Loan làm tòa án có thẩm quyền sơ thẩm.

5. 本合約書正本壹式參份，相關附件均視為本合約之一部分，經三方充分審閱後簽署時生效，並由三方各執正本壹份以資信守。三方同意以最大之誠意履行本合約應盡之責任與義務。本合約經甲、乙、丙三方同意之內容，若有未盡事宜，三方應秉誠信原則辦理。如未盡事宜或變更事項，概依教育部推動實習課程之相關法令或經三方視實際需要協議，修訂並另訂增補契約書。

Hợp đồng này được lập thành ba bản chính có giá trị như nhau, phụ lục đính kèm liên quan được xem là một phần trong bản hợp đồng này. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ khi cả ba bên ký kết sau khi đã xem xét đầy đủ nội dung, đồng thời mỗi bên sẽ giữ một bản để căn cứ thực hiện. Ba bên đồng ý thực hiện đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo hợp đồng với tinh thần thiện chí cao nhất. Đối với những nội dung chưa được quy định rõ trong hợp đồng hoặc cần sửa đổi bổ sung, cả ba bên sẽ xử lý trên nguyên tắc trung thực, thiện chí. Các vấn đề chưa được đề cập hoặc những điều chỉnh trong tương lai sẽ được thực hiện theo các quy định pháp luật có liên quan của Bộ Giáo Dục về việc thúc đẩy chương trình thực tập, hoặc sẽ được ba bên thỏa thuận và lập phụ lục hợp đồng bổ sung khi cần thiết.

立合約書人 Người ký kết hợp đồng

甲 方：宏國學校財團法人宏國德霖科技大學

Bên A : Trường Đại Học KHKT Hồng Quốc Đức Lâm

負 責 人：校長 段葉芳

Người phụ trách : Hiệu trưởng Đoàn Diệp Phương

地 址：新北市土城區青雲路 380 巷 1 號

Địa chỉ : Số 1, ngõ 380, đường Thanh Vân, quận Thổ Thành, thành phố Tân Bắc, Đài Loan

統一編號：33503030

Mã số thuế : 33503030

研發處：林憲陽

Phòng nghiên cứu và phát triển : Lâm Hiến Dương

乙 方：

Bên B :

代 表 人：

Người đại diện :

地 址：

Địa chỉ :

統一編號：

Mã số thuế :

丙 方：

Bên C :

電 話：

Điện thoại :

地 址：

Địa chỉ :

居留證號碼：

Số thẻ cư trú :

中 華 民 國 年 月 日

Trung Hoa Dân Quốc ngày tháng năm